TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/06/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Ông **Nguyễn Thành Thái.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang -** Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16/01/2019, về vụ "Tranh chấp về ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/05/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/06/2019 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị **Mai Thị M**, sinh năm: 1995 (Có mặt).

***** Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp VTh, xã ThS, huyện HĐ, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** ***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị M trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Đầu năm 2012 chị và anh H tự nguyện yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2015

mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/8/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 01 người con chung. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/03/2014. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Qvà không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Văn H:*** Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện VKSND huyện Hòn Đất là ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị M. Cho chị M được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/03/2014 cho chị M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mvà anh Htự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do giữa anh chị bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 2 năm nay. Nay chị Myêu cầu xin ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như chị Mtrình bày từ năm 2017 chị và anh H ly thân cho đến nay thì vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019 thì ông Nguyễn Văn T là Công an ấp Vạn Thanh, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xác nhận: "*Năm 2017 anh H và chị M có mâu thuẫn, anh H có đập phá đồ đạc trong nhà anh chị. Chị M có trình báo chính quyền địa phương"* và phía anh Hcũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của chị M. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị Mvẫn cương quyết xin ly hôn với anh Hùng. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị Mụi và anh Hùng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/03/2014. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q. Xét thấy, hiện nay chị Mụi là người đang nuôi dưỡng cháu Q và cháu Q còn nhỏ, là bé gái nên giao cho chị Mnuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian chị M nuôi dưỡng con chung thì anh H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hồi đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Mai Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Mụi.

1. Về Hôn nhân: Chị Mai Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/03/2014 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian chị M nuôi dưỡng con chung thì anh H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Mai Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị M đã nộp theo biên lai thu số: 0000668 ngày 16/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị M đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo